

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016**

---

Hà Nội, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

TH. 11.11.2023

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

	<b>Chức vụ</b>	
Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17/12/2015
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 17/12/2015
Ông Nguyễn Trí Lý	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 17/12/2015
Ông Lê Nam Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 17/12/2015
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 17/12/2015

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Doãn Liêm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/02/2016
Ông Nguyễn Trí Lý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/02/2016
Bà Tô Thị Lý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/02/2016

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, ✓



**Nguyễn Doãn Liêm**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Số: 056 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06/03/2017, từ trang 03 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017



**Trần Tuấn Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3272-2015-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ  
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.404.701.511.553</b>	<b>1.244.782.878.843</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>55.595.634.518</b>	<b>44.392.688.017</b>
1. Tiền	111	5	55.595.634.518	44.392.688.017
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.771.312.461</b>	<b>24.771.312.461</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	24.771.312.461	24.771.312.461
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>769.596.757.638</b>	<b>692.276.457.993</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	667.709.355.838	576.280.823.372
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.878.134.999	1.026.989.756
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	103.560.838.065	114.968.644.865
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.551.571.264)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>552.135.661.734</b>	<b>477.597.310.468</b>
1. Hàng tồn kho	141		552.135.661.734	477.597.310.468
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.602.145.202</b>	<b>5.745.109.904</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.580.894.295	4.783.505.349
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	21.250.907	961.604.555
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>98.579.130.194</b>	<b>116.838.171.378</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>63.100.544.081</b>	<b>83.317.117.122</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	34.327.932.201	54.539.285.242
- Nguyên giá	222		128.347.497.562	128.347.497.562
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(94.019.565.361)	(73.808.212.320)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	28.772.611.880	28.777.831.880
- Nguyên giá	228		31.479.045.080	31.479.045.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.706.433.200)	(2.701.213.200)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.975.963.247</b>	<b>5.663.594.896</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	16.975.963.247	5.663.594.896
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.502.622.866</b>	<b>27.857.459.360</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	18.502.622.866	27.857.459.360
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.503.280.641.747</b>	<b>1.361.621.050.221</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.270.655.412.296</b>	<b>1.136.751.320.369</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.269.110.193.690</b>	<b>1.135.206.101.763</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	443.962.385.687	421.740.970.689
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	45.067.911.288	58.166.234.545
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.454.164.952	5.297.400.815
4. Phải trả người lao động	314		11.343.935.212	2.564.423.511
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.048.937.309	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	228.948.715.542	184.879.047.976
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	529.665.651.984	457.778.707.086
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		618.491.716	4.779.317.141
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.545.218.606</b>	<b>1.545.218.606</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.545.218.606	1.545.218.606
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>232.625.229.451</b>	<b>224.869.729.852</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>232.625.229.451</b>	<b>224.869.729.852</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.790.000.000	209.790.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	15.079.729.852
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.835.229.451	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		22.835.229.451	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.503.280.641.747</b>	<b>1.361.621.050.221</b>

*(Signature)*

*(Signature)*



Ninh Thị Thu Hiền  
Người lập  
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Trần Hương Thủy  
Trưởng Phòng tài chính kế toán

Nguyễn Doãn Liêm  
Tổng Giám đốc


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>2.240.985.577.809</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.031.100.041
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>2.230.954.477.768</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.956.874.076.446
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>274.080.401.322</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	9.787.102.670
7. Chi phí tài chính	22	25	39.356.257.554
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.369.659.441
8. Chi phí bán hàng	25	26	173.343.658.821
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	37.264.562.231
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>33.903.025.386</b>
11. Thu nhập khác	31		2.981.336.225
12. Chi phí khác	32		738.694.595
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>27</b>	<b>2.242.641.630</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>36.145.667.016</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	7.310.437.565
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>28.835.229.451</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.088

T. T. N. H. M.  
V. O. I.

  
Ninh Thị Thu Hiền  
Người lập  
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

  
Trần Hương Thủy  
Trưởng Phòng tài chính kế toán

  
Nguyễn Doãn Liêm  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	36.145.667.016
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	2	20.216.573.041
Các khoản dự phòng	3	5.551.571.264
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	4	(3.403.017.461)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(440.792.257)
Chi phí lãi vay	6	27.369.659.441
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	85.439.661.044
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(79.728.906.207)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(74.538.351.266)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	55.998.360.070
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	9.354.836.494
Tiền lãi vay đã trả	13	(27.369.659.441)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.933.679.994)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.160.825.425)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(49.938.564.725)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.312.368.351)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	440.792.257
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.871.576.094)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.174.333.775.085
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.102.295.368.943)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>72.038.406.142</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>11.228.265.323</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>44.392.688.017</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(25.318.822)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>55.595.634.518</b>

Ninh Thị Thu Hiền  
Người lập  
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Trần Hương Thủy  
Trưởng Phòng tài chính kế toán

Nguyễn Doãn Liêm  
Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29/06/2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình cổ phần hóa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100108536 ngày 04/01/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là 209.790.000.000 VND, tương đương 20.797.000 cổ phần (mỗi cổ phần mệnh giá 100.000 VND/cổ phần).

Trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại số 356A đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày cuối năm là 383 người (tại ngày đầu năm là 398 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bao bì các loại;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm tự nhiên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Mua bán máy móc, thiết bị, bao bì phục vụ cho sản xuất tân dược, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm thực phẩm bổ dưỡng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ kính mắt, kính thuốc;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Hội chợ, triển lãm, thông tin quảng cáo;
- Dịch vụ đóng gói. Chi tiết: Dịch vụ bốc xếp, đóng gói, giao nhận hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu và phụ gia thực phẩm, thức ăn chăn nuôi; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y; Dịch vụ tư vấn thành lập và quản lý doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, thuế, kiểm toán, tài chính); Kinh doanh chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Dịch vụ bảo quản thuốc; Buôn bán vaccin, sinh phẩm y tế; Sản xuất và kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm chế biến và thực phẩm chức năng; Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Kinh doanh nguyên liệu ngành dược và dược phẩm; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm) (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng, kho, xưởng;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn, đầu tư, môi giới, xúc tiến thương mại, đại diện thương nhân (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết: Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và cung cấp thông tin thị trường (trừ thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

0254  
CÔN  
TƯ  
KIỂM  
VA  
NH P

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là kỳ hoạt động đầu tiên khi chuyển đổi sang công ty cổ phần nên có thời gian từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

#### Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Dược Việt Nam và các thành viên;
- Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và thân nhân thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

585  
IG  
HH  
TO  
C  
HỒ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan khác đến việc mua; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa.

Tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng còn lại ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>	<u>Thời gian khấu hao phần đánh giá lại</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25	03
Máy móc thiết bị	03 - 06	03 - 05
Phương tiện vận tải	05 - 08	03 - 05

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tài sản cố định vô hình đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Phần mềm máy tính đã hết khấu hao. Quyền sử dụng đất lâu dài nên không thực hiện phân bổ.

#### Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh gồm giá trị thương hiệu, tiềm năng phát triển được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, giá trị quyền thuê đất trả tiền một lần tại khu đất Tân Tạo, công cụ, dụng cụ, phụ tùng, các dụng cụ hành chính và các công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất.

Giá trị quyền thuê đất trả tiền một lần tại khu đất Tân Tạo được phân bổ theo thời gian thuê. Các chi phí còn lại được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, thời gian phân bổ vào chi phí không quá ba (03) năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế ( Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.166.076.898	6.375.320.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.429.557.620	38.017.368.017
<b>Cộng</b>	<b><u>55.595.634.518</u></b>	<b><u>44.392.688.017</u></b>

**6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	24.771.312.461	24.771.312.461	-	24.771.312.461	24.771.312.461	-
- Tổng giá trị cổ phiếu	24.771.312.461	24.771.312.461	-	24.771.312.461	24.771.312.461	-
Công ty CP Dược phẩm CPC1 - Hà Nội	20.443.659.675	20.443.659.675	-	20.443.659.675	20.443.659.675	-
Công ty CP Hóa - Dược phẩm MEKOPHAR	2.384.307.722	2.384.307.722	-	2.384.307.722	2.384.307.722	-
Công ty CP Dược Hà Tĩnh	971.029.662	971.029.662	-	971.029.662	971.029.662	-
Công ty CP Dược phẩm TV.PHARM	300.659.375	300.659.375	-	300.659.375	300.659.375	-
Công ty CP Dược phẩm trung ương VIDIPHA	472.871.724	472.871.724	-	472.871.724	472.871.724	-
Công ty CP Dược và Dịch vụ TM Tuyên Quang	197.784.303	197.784.303	-	197.784.303	197.784.303	-
Công ty TNHH SONOFI-AVENTIS Việt Nam	1.000.000	1.000.000	-	1.000.000	1.000.000	-

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b><u>667.709.355.838</u></b>	<b><u>576.280.823.372</u></b>
Công ty Cổ phần CPC1 Hà Nội	21.528.137.990	28.109.125.865
Bệnh viện Tim Hà Nội	13.769.141.213	16.521.328.699
Bệnh viện Bạch Mai	38.241.207.335	23.973.499.090
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	22.709.352.950	20.430.435.607
Bệnh viên K	15.604.979.691	4.745.573.370
Đối tượng khác	555.856.536.659	482.500.860.741
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết thuyết minh số 30)</b>	<b><u>24.434.023.755</u></b>	<b><u>38.834.658.320</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		VND	
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.878.134.999</b>		<b>1.026.989.756</b>	
Công ty TNHH Growena Impex	-		876.489.256	
Công ty Hubei Huazhong Pharmaceutical	-		82.070.250	
Công ty TNHH Meyer Pharmaceuticals	240.948.000		-	
Công ty Octapharma AG	1.338.000.000		-	
Saga Laboratories	315.701.100		-	
Vicopharm Co., Ltd.	1.402.750.000		-	
Trả trước cho các đối tượng khác	580.735.899		68.430.250	

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>103.560.838.065</b>		<b>114.968.644.865</b>	
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	875.104.999	-	916.006.520	-
- BHXH nộp thừa	5.002.560	-	342.430.582	-
- Tạm ứng	-	-	169.464.000	-
- Thuế ủy thác nộp hộ	6.528.558.868	-	4.000.645.416	-
- Phải thu hàng ủy thác	78.612.780.737	-	100.083.047.151	-
- Phải thu khác	17.539.390.901	-	9.457.051.196	-

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	2.963.990.149	-	6.878.818.359	-
Hàng hóa	433.542.956.016	-	400.980.760.561	-
Hàng hóa kho ủy thác	115.628.715.569	-	69.737.731.548	-
<b>Cộng</b>	<b>552.135.661.734</b>	<b>-</b>	<b>477.597.310.468</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	87.899.469.028	24.625.895.625	15.822.132.909	128.347.497.562
Số dư cuối năm	87.899.469.028	24.625.895.625	15.822.132.909	128.347.497.562
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	48.022.121.281	16.310.275.195	9.475.815.844	73.808.212.320
Khấu hao trong năm	12.147.811.938	4.067.959.328	3.995.581.775	20.211.353.041
Số dư cuối năm	60.169.933.219	20.378.234.523	13.471.397.619	94.019.565.361
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	39.877.347.747	8.315.620.430	6.346.317.065	54.539.285.242
Tại ngày cuối năm	27.729.535.809	4.247.661.102	2.350.735.290	34.327.932.201

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm là 27.456.764.469 VND (tại ngày đầu năm là 25.004.870.613 VND).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	28.777.831.880	2.701.213.200	31.479.045.080
Số dư cuối năm	28.777.831.880	2.701.213.200	31.479.045.080
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	-	2.701.213.200	2.701.213.200
Khấu hao trong năm	5.220.000	-	5.220.000
Số dư cuối năm	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	28.777.831.880	-	28.777.831.880
Tại ngày cuối năm	28.772.611.880	-	28.772.611.880

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm là 2.701.213.200 VND (tại ngày đầu năm là 2.701.213.200 VND).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>16.975.963.247</b>	<b>5.663.594.896</b>
- XDCB	16.975.963.247	5.663.594.896
Trong đó:	-	-
- Công trình Văn phòng tại số 87 Nguyễn Văn Trỗi	16.975.963.247	5.663.594.896

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	<b>18.502.622.866</b>	<b>27.857.459.360</b>
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 1 năm)	4.253.105.529	5.386.963.752
Lợi thế thương mại	12.035.824.416	18.053.736.624
Giá trị tiền thuê đất trả tiền một lần tại khu Tân Tạo	2.213.692.921	4.416.758.984

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<b>443.962.385.687</b>	<b>443.962.385.687</b>	<b>421.740.970.689</b>	<b>421.740.970.689</b>
Ever Neuro Pharma GMBH	31.939.205.205	31.939.205.205	32.371.654.980	32.371.654.980
Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	38.397.477.955	38.397.477.955	29.922.261.843	29.922.261.843
Growena Impex Company	18.090.084.826	18.090.084.826	-	-
Saga Laboratories	19.397.976.910	19.397.976.910	11.190.505.892	11.190.505.892
Human BioPlazma Manufacturing and Trading Limited Liability Company	-	-	39.911.811.155	39.911.811.155
Phải trả cho các đối tượng khác	336.137.640.791	336.137.640.791	308.344.736.819	308.344.736.819
<i>b) Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại TM số 30)</i>	<b>8.479.520.679</b>	<b>8.479.520.679</b>	<b>14.928.518.790</b>	<b>14.928.518.790</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<b>45.067.911.288</b>	<b>58.166.234.545</b>
Công ty TNHH EVD Dược phẩm và Y Tế	15.176.374.468	23.246.478.581
Ban Quản Lý Dự Án Quỹ Toàn Cầu Phòng Chống HIV/AIDS	16.746.575.998	21.367.655.006
Đối tượng khác	13.144.960.822	13.552.100.958



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>	<b>5.297.400.815</b>	<b>64.505.647.596</b>	<b>67.348.883.459</b>	<b>2.454.164.952</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.031.755.374	50.192.653.642	51.081.792.402	142.616.614
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.139.425.226	2.139.425.226	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.504.627.611	7.310.437.565	8.933.679.994	881.385.182
Thuế thu nhập cá nhân	856.974.859	1.024.744.983	1.225.055.705	656.664.137
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	90.227.353	3.823.386.180	3.140.151.686	773.461.847
Các loại thuế khác	-	15.000.000	15.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	813.815.618	-	813.778.446	37.172
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số đã thu, đã khấu trừ trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Phải thu</b>	<b>961.604.555</b>	<b>1.271.910.301</b>	<b>331.556.653</b>	<b>21.250.907</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	3.144.408	334.701.061	331.556.653	-
Thuế giá trị gia tăng	958.460.147	937.209.240	-	21.250.907

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>228.948.715.542</b>	<b>184.879.047.976</b>
Kinh phí công đoàn	100.359.200	77.763.867
Phải trả hàng ủy thác	173.826.868.888	146.016.261.435
Các khoản phải trả khác	55.021.487.454	38.785.022.674

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>529.665.651.984</b>	<b>529.665.651.984</b>	<b>2.102.446.829.944</b>	<b>2.174.333.774.842</b>	<b>457.778.707.086</b>	<b>457.778.707.086</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi Nhánh TP Hà Nội (i)	134.262.400.339	134.262.400.339	433.015.314.315	501.905.007.006	65.372.707.648	65.372.707.648
Ngân hàng TMCP Quân Đội (ii)	128.776.881.357	128.776.881.357	517.840.401.577	484.734.509.412	161.882.773.522	161.882.773.522
Ngân hàng TMC Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iii)	37.258.584.482	37.258.584.482	203.851.823.786	198.962.347.464	42.148.060.804	42.148.060.804
Vay cá nhân (iv)	45.168.000.000	45.168.000.000	5.069.000.000	16.210.000.000	34.027.000.000	34.027.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (v)	50.731.241.775	50.731.241.775	85.678.230.948	105.319.320.726	31.090.151.997	31.090.151.997
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (i)	86.159.298.086	86.159.298.086	585.606.237.940	611.320.058.463	60.445.477.563	60.445.477.563
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (VND) (vi)	33.251.769.326	33.251.769.326	128.018.678.975	111.356.419.984	49.914.028.317	49.914.028.317
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (USD) (vi)	14.057.476.619	14.057.476.619	143.367.142.403	144.526.111.787	12.898.507.235	12.898.507.235

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016- HĐTDHM/NHCT106-CPC1 ngày 01/8/2016. Hạn mức cấp tín dụng: Tổng số dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 611 tỷ đồng, trong đó Chi nhánh thành phố Hà Nội là 408 tỷ đồng, Hồ Chí Minh là 200 tỷ đồng, Đà Nẵng là 03 tỷ đồng (giới hạn bảo lãnh). Mục đích sử dụng: Các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 31/07/2017. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng. Tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất tại số 356A đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (ii) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 27898.16.054.105616.TD ngày 3/8/2016. Hạn mức cấp tín dụng là 350.000.000.000 VND (vay, phát hành L/C và bảo lãnh thanh toán). Hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) tối đa là 100.000.000.000 VND. Phân bổ cho Chi nhánh Hồ Chí Minh là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 28/06/2017. Lãi suất được quy định theo từng văn bản nhận nợ. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại được phẩm và thuốc thành phẩm. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển sở hữu của CPC1 đảm bảo giá trị tương đương 120% dư nợ tại mọi thời điểm. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay không vượt quá 5 tháng/khế ước và được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ.
- (iii) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2656629/2016/HĐTDTM ngày 01/06/2016. Hạn mức cấp tín dụng là 300.000.000 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: Tín chấp. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC.
- (iv) Vay cá nhân cán bộ công nhân viên thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất được quy định theo từng thời điểm. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho Công ty.
- (v) Hợp đồng cấp tín dụng số 160039/HĐTDK/VCB -CPC1 ngày 20/5/2016. Mục đích sử dụng cấp tín dụng tài trợ vốn lưu động năm 2016, 2017. Hạn mức cấp tín dụng là 120 tỷ đồng, VCB Sở giao dịch là 40 tỷ đồng, VCB Chi nhánh Hồ Chí Minh là 80 tỷ đồng. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định cụ thể trong hợp đồng. Tài sản thế chấp là quyền tài sản phát sinh từ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại địa chỉ lô 20 đường số 7, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- (vi) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 6220-LAV-2016-0998/HĐTD ngày 21/10/2016. Hạn mức cấp tín dụng là 90.000.000 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 21/10/2016. Thời hạn vay tối đa từng giấy nhận nợ tối đa 04 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: Tín chấp. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	209.790.000.000	15.079.729.852	-	224.869.729.852
Chuyển phải trả quỹ sắp xếp DN	-	(15.079.729.852)	-	(15.079.729.852)
Lãi trong năm	-	-	28.835.229.451	28.835.229.451
Tạm chia quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>-</b>	<b>22.835.229.451</b>	<b>232.625.229.451</b>

*Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0100108536 ngày 04/01/2016, vốn điều lệ của Công ty là 209.790.000.000 VND. Vốn điều lệ được các cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam	137.215.500.000	65,41%	137.215.500.000	65,41%
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	30.000.000.000	14,30%	30.000.000.000	14,30%
Cổ đông khác	42.574.500.000	20,29%	42.574.500.000	20,29%
<b>Cộng</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Số năm nay VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.240.985.577.809</b>
Doanh thu bán hàng hóa	2.176.095.363.079
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.890.214.730
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>10.031.100.041</b>
- Hàng bán bị trả lại	10.031.100.041
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.230.954.477.768</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Số năm nay VND
Giá vốn hàng bán	1.956.874.076.446
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-
<b>Cộng</b>	<b>1.956.874.076.446</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Số năm nay</u>
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	
Chi phí nhân công	57.274.031.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.216.573.041
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	9.354.836.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.597.396.977
Chi phí bằng tiền khác	36.613.812.086
<b>Cộng</b>	<b><u>205.056.649.788</u></b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Số năm nay</u>
	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	110.544.657
Cổ tức, lợi nhuận được chia	330.247.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.551.118.440
Lãi bán hàng trả chậm	1.752.136.937
Doanh thu hoạt động tài chính khác	43.055.036
<b>Cộng</b>	<b><u>9.787.102.670</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Số năm nay</u>
	VND
Lãi tiền vay	27.369.659.441
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.869.992.516
Chiết khấu thanh toán	1.010.552.613
Chi phí tài chính khác	106.052.984
<b>Cộng</b>	<b><u>39.356.257.554</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Số năm nay</u> VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	
Chi phí nhân viên quản lý	1.920.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	9.354.836.494
Thuế phí lệ phí	3.772.557.406
Chi phí dự phòng	5.551.571.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.975.438.943
Chi phí quản lý bằng tiền khác	3.690.158.124
<b>Cộng</b>	<b><u>37.264.562.231</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	
Chi phí nhân viên	55.354.031.190
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.216.573.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.621.958.034
Các khoản chi phí bán hàng khác	29.151.096.556
<b>Cộng</b>	<b><u>173.343.658.821</u></b>

**27. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<u>Số năm nay</u> VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.981.336.225</b>
Thu từ hỗ trợ	2.980.836.225
Các khoản khác	500.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>738.694.595</b>
Chi phí khác	738.694.595
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>2.242.641.630</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Số năm nay</u>
	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>	
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>36.145.667.016</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>406.520.808</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(330.247.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	736.768.408
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>36.552.187.824</b>
Thuế suất thông thường	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.310.437.565
Điều chỉnh theo biên bản kiểm tra thuế	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7.310.437.565</b>

Trong năm 2016, ngoài khoản chi phí không được trừ 736.768.408 VND, Công ty xác định thu nhập chịu thuế không có sự khác biệt với lợi nhuận trước thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Số năm nay</u>
	VND
Lợi nhuận sau thuế	28.835.229.451
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	6.000.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.835.229.451
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	20.979.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.088
Mệnh giá cổ phiếu	10.000

**30. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Danh sách bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1-Pharbaco	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương Codupha	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Cùng Tổng Công ty
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	Cùng Tổng Công ty
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	Cùng Tổng Công ty
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Cổ đông chi phối
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Cùng Tổng Công ty

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

*Số dư các bên liên quan:*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>24.434.023.755</b>	<b>38.834.658.320</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6.372.870	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương Codupha	2.899.512.895	4.525.336.317
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	-	3.687.138.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	-	2.513.058.138
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	21.528.137.990	28.109.125.865
<b>Phải thu khác</b>	<b>7.183.316.603</b>	<b>100.282.050</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	7.183.316.603	100.282.050
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>8.479.520.679</b>	<b>14.928.518.790</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1	54.378.214	1.434.194.533
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	31.144.396
Công ty Cổ Phần Dược phẩm Trung ương Codupha	560.569.922	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	53.055.030	355.677.960
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	-	3.815.986
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4.713.717.003	4.937.901.014
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	3.085.281.360	8.098.474.971
Công ty Cổ Phần Dược phẩm OPC	2.948.400	-
Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	9.570.750	67.309.930
<b>Ứng trước cho người bán</b>	<b>126.999.960</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	126.999.960	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Giao dịch các bên liên quan:*

	<u>Số năm nay</u>
	VND
<b>Bán hàng hóa dịch vụ</b>	<b><u>15.902.942.002</u></b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1-Pharbaco	2.070.600.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6.372.870
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	186.678.570
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	12.603.187.312
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	1.036.103.250
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	746.618.741
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	46.400.509
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.478.203.500
Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	1.760.000
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b><u>6.811.852.872</u></b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1-Pharbaco	6.045.071.492
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	36.575.669
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	133.629.090
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	584.723.618
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	2.100.603
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	9.752.400
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	4.774.042.263
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	30.445.691.823
Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	69.500.709
<b>Giá trị hàng hóa ủy thác</b>	<b><u>8.024.305.407</u></b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	8.024.305.407
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b><u>Số năm nay</u></b>
	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc (tiền lương)	1.647.165.197
<b>Cộng</b>	<b><u>1.647.165.197</u></b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại thuyết minh số 02, đây là kỳ hoạt động đầu tiên khi chuyển đổi sang công ty cổ phần nên số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là ngày 04/01/2016 đã được phê duyệt khi chuyển đổi cổ phần hóa. Báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh.



**Ninh Thị Thu Hiền**

**Người lập**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017*



**Trần Hương Thủy**

**Trưởng Phòng tài chính kế toán**



**Nguyễn Doãn Liêm**

**Tổng Giám đốc**